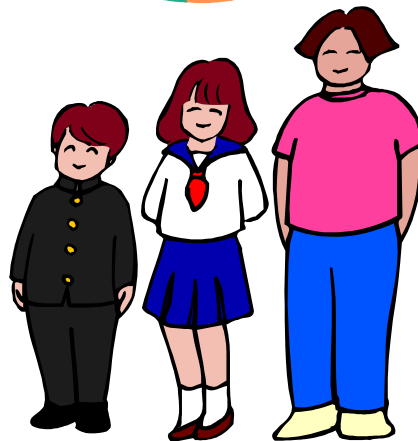


Tiếng Việt

ベトナム語版

Dành cho phụ huynh và học sinh không nói tiếng Nhật như tiếng bản ngữ

# HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH Ở NAGANO NĂM 2026



Ủy ban điều hành  
Hướng dẫn tuyển sinh vào trường trung học phổ thông  
cấp 3 tỉnh Nagano

— Mục lục —

1 . Hệ thống trường học ở Nhật	· · · · ·	P 1
2 . Các loại trường THPT cấp 3 ở Tỉnh Nagano		P 2 ~ 3
3 . Chế độ tuyển sinh (kiểm tra đầu vào)	· · · · ·	P 4 ~ 5
4 . <u>Điều kiện đặc biệt</u> và <u>biện pháp đặc biệt</u> đối với học sinh trở về từ nước ngoài	· · · · ·	P 6
5 . Lịch thi tuyển sinh THPT Cấp 3 Tỉnh Năm 2027	· · · · ·	P 7
6 . Cuộc sống ở trường THPT cấp 3	· · · · ·	P 8 ~ 1 0

— Tài liệu —

Danh sách các trường THPT cấp 3 công lập

Danh sách các trường THPT cấp 3 tư lập

## I . Hệ thống trường học ở Nhật

22tuổi	Trường Cao Học		Trường chuyên môn nâng cao		Trường dạy nghề Trường chuyên môn	
18tuổi	Trường Đại Học (4~6 năm)		Trường cao đẳng (2~3Năm)	Trường chuyên môn (2~3Năm)		
15tuổi	Trường giáo dục trung học (6 năm)	Trường trung học phổ thông cấp 3 (3 năm)			(5 năm)	
12tuổi	Trường trung học cơ sở cấp 2 (3 năm)				Trường giáo dục bắt buộc (9 năm)	
6 tuổi	Trường tiểu học cấp 1 (6 năm)					

Ở Nhật ,trường tiểu học cấp 1(6 năm )và trường trung học cơ sở cấp 2(3 năm) là giáo dục bắt buộc .Học sinh phải trải qua 9 năm giáo dục .Giáo dục bắt buộc không bị đánh trượt .Mỗi năm một lớp và sẽ chuyển sang lớp tiếp theo.Trường học ở Nhật ,bắt đầu tháng 4 và kết thúc tháng 3.

### Tiến lộ sau khi tốt nghiệp trường trung học cơ sở cấp 2

98% học sinh tốt nghiệp THCS cấp 2 vào học THPT cấp 3 hoặc trường chuyên môn nâng cao.Một số học sinh tiếp tục học ở trường dạy nghề hoặc các trường kỹ thuật chuyên môn để học kỹ năng làm việc .Mặc dù có thể kiếm được việc sau khi tốt nghiệp THCS cấp 2 nhưng rất ít .Tiến lộ sau khi tốt nghiệp như thế nào hãy tham khảo ý kiến gia đình ,thầy cô rồi bản thân tự quyết định.

### Làm thế nào để vào trường THPT cấp 3

- Trên 15 tuổi.
- Tốt nghiệp THCS cấp 2

Cho dù nước khác không phải nước Nhật , phải hoàn thành giáo dục bắt buộc (9 năm)。

Trong trường hợp chưa tốt nghiệp THCS cấp 2 , cần phải thi và đậu để có 「chứng chỉ tốt nghiệp THCS cấp 2」

- Bắt buộc phải đậu kỳ thi tuyển sinh đầu vào (kiểm tra đầu vào )。

### Khi tốt nghiệp THPT cấp 3

Học sinh có thể tham gia các kỳ thi tuyển sinh vào các trường đại học ,cao đẳng ,trường dạy nghề .Có thể kiếm được nhiều việc hơn.

## 2. Các loại trường THPT cấp 3 ở tỉnh Nagano

Tại tỉnh Nagano có trường THPT công lập (THPT cấp tỉnh · THPT cấp thành phố) và trường THPT tư lập.

Hiện có 79 trường công lập đang tuyển học sinh cho năm học mới (dự định).

Có 78 trường THPT cấp tỉnh (bao gồm cả trường có nhiều chi nhánh). Trường THPT cấp thành phố có 1 trường là

THPT Tp Nagano Shiritsunaganokoukou. 長野市私立長野高校

Có 25 trường THPT tư lập.

(1) Trường THPT cấp 3 công lập (cấp tỉnh · cấp thành phố)

① **Khóa học** Trường THPT cấp 3 có các khóa học như : **Học cả ngày · học theo thời gian chỉ định · học qua truyền thông** .

· **Học cả ngày** : Học từ sáng đến tối tại trường , tiết học khoảng 50 phút , 1 ngày học 6 tiếng . Tốt nghiệp sau 3 năm .

· **Học theo thời gian chỉ định** : Đến trường học theo thời gian quy định. Tiết học 45 phút , 1 ngày học 4 tiếng . Tốt nghiệp sau 4 năm .

Học đa phần có nghĩa , có thể chọn thời gian học (tiết học )2 hoặc nhiều hơn. Học 3 đến 4 năm sẽ tốt nghiệp.

Buổi sáng : 8 :30~12 : 30、 có 4 tiếng học

Buổi chiều : 13~17、 có 4 tiếng học

Buổi tối : 17 : 30~21 : 30、 có 4 tiếng học

Học theo đơn vị chứng chỉ có nghĩa có trường THPT cấp 3 mà học sinh quyết định số năm và môn học , cũng như tốc độ học của bản thân cho đến khi tốt nghiệp . ( 「 đơn vị về chứng chỉ 」 được giải thích ở trang 8 )

· **Học qua truyền thông** : Thông thường học sinh sẽ học tại nhà qua việc sử dụng sách giáo khoa , nộp báo cáo cho trường học . Mỗi tháng sẽ đến trường 2 đến 3 lần nhận hướng dẫn từ giáo viên . Nộp báo cáo , nếu đỗ kỳ thi , tháng 4 sẽ tốt nghiệp. Có 2 trường Naganonishi(長野西高校) và Matsumotochikuma(松本筑摩高校)。

② **Khoa** Dựa theo nội dung học chia ra làm các 「 Khoa học」 sau : **khoa phổ thông , khoa chuyên môn , khoa tổng hợp** . Mỗi trường học có nhiều khoa học .

[**Khoa phổ thông**] :

Giáo trình học chủ yếu các môn Ngôn ngữ quốc gia ,Địa lý Lịch sử,Công dân ,Toán ,Lý ,Anh Văn.

- Có 55 trường học cả ngày và 12 trường học theo thời gian chỉ định có khoa phổ thông.
- Có 3 trường học đa phần có khoa phổ thông.

**[Khoa chuyên môn] :**

Học những khoa mang tính chất chuyên môn có nội dung kết nối với nghề nghiệp.

Ngoài ra , đặc biệt có các khoa mang tính chất chuyên môn học về môn phổ thông.

	Học cả ngày	Thời gian chỉ định	Thời gian chỉ định (đaphần)
Khoanông nghiệp	9 trường		
Khoa công nghiệp	10 trường	2trường	1trường
KhoaThương mại	10 trường	1trường	
Khoa gia đình	3 trường :Yashiro Minami · Ueda Chikuma · Suwa Jitsugyou		
Khoa du lịch quốc tế	1 trường : Hakuba		
Khoa Toán Lý	5 trường		
Khoa khám phá	2 trường : liyama · Matsumoto Agatagaoka		
Khoa nghiên cứu	1 trường : Omachi Gakuyou		
Khoa giáo dục quốc tế	3 trường : Naganonishi · Ueda Someyaoka · Ilda Fuetsu		
Khoa học thể thao	1 trường : Ilyama		
Khoa âm nhạc	1 trường : Komoro Gijuku		

[Khoa tổng hợp] : Là khoa bạn học các môn giống như các môn phổ thông ,nhưng tùy theo sở thích và tiến lộ trong tương lai mà có thể lựa chọn các môn chuyên môn.

6 trường : Nakano Ritsuhikan · Makuro Shyugakukan · Sakudaira ShougouGijutsu (Usuda Campus · Souzou Jissenka) · Sonan · Shiojiri Shigakukan · Shiritsu Nagano)

( 2 ) Trường THPT cấp 3 tư lập

Tùy từng trường mà tài liệu khác nhau ,tham khảo tài liệu và trực tiếp liên hệ

### 3.Chế độ tuyển sinh (kiểm tra đầu vào )

◆Hệ thống thi tuyển sinh vào các trường THPT cấp 3 công lập ở Nagano thay đổi từ năm 2025.

◆Kỳ thi tuyển sinh mới nhấn mạnh tầm quan trọng về 「Duy trì học tập độc lập」.

「Chủ động」 có nghĩa 「Tự mình suy nghĩ ,tự đưa ra quyết định・nhận định,tự mình hành động 」 .

#### (1) Thể loại kiểm tra đầu vào

Kỳ thi tuyển sinh THPT cấp 3 công lập được tổ chức vào 「Tuyển sinh kỳ đầu」 (Tháng2) và 「tuyển sinh kỳ sau」 (tháng 3 ).Một số trường THPT cấp 3 có tuyển sinh kỳ đầu và một số trường khác thì không .Tùy vào mỗi trường mà kỳ thi tuyển sinh kỳ đầu sẽ khác nhau.Trường nào sẽ tổ chức tuyển sinh kỳ đầu và nội dung thi như thế nào (tiêu chí tuyển sinh) sẽ được công bố vào tháng 9 (dự kiến)

Tất cả các trườngTHPT cấp 3 đều tổ chức kỳ thi tuyển sinh kỳ sau .Sau khi tuyển sinh mà số lượng tuyển sinh không đạt .Trường THPT cấp 3 sẽ tổ chức tuyển dụng lại hoặc bổ sung .Số lượng tuyển sinh từng trường THPT cấp 3 sẽ công bố vào tháng 11 (dự kiến)

◆ 「Tuyển sinh kỳ đầu」 và 「tuyển sinh kỳ sau」 đều có bài kiểm tra năng lực học tập và phỏng vấn◆

#### (2) Tuyển sinh kỳ đầu

Nếu bạn nghĩ mình đủ 「Tiêu chí tuyển sinh」 đề ra của trường có thể đưa ra nguyện vọng .

Các trường THPT cấp 3 bắt buộc phải nộp 「phiếu khảo sát」 do trường THCS cấp 2 cấp và bài kiểm tra năng lực học tập (điểm tối đa 200) và phỏng vấn .Thí sinh thi đậu sẽ được tuyển chọn.Tùy theo trườngTHPT cấp 3 mà có bài luận văn (bài luận ngắn)và bài kiểm tra kỹ năng thực hành .

Nếu vượt qua kỳ thi bạn sẽ không thể đăng ký tham gia tuyển sinh kỳ sau

#### ① Kiểm tra năng lực học tập (điểm tối thiểu 200) và thời gian kiểm tra

Tiếthọc	Môn học	Thời gian kiểm tra	Ghi chú
1	Kiểm tra I (Quốc ngữ・Xã hội・Anh)	9 : 25 ~ 10 : 10 (45phút)	Giải lao 15 phút
2	Kiểm tra II (Toán・Lý)	10 : 25 ~ 10 : 55 (30phút)	

Nội dung kiểm tra năng lực học tập là tập trung vào nội dung căn bản đã học

#### ② Phỏng vấn

Vào cùng ngày với kiểm tra năng lực học tập (hoặc vào ngày sau , nếu vào ngày lễ sẽ là ngày kế tiếp)、thí sinh sẽ gặp và nói chuyện với giáo viên THPT cấp 3 (phóng vấn trực tiếp). Nội dung phỏng vấn (trả lời câu hỏi giáo viên) liên quan đến 「tiêu chí tuyển sinh」 .

### (3) Tuyển sinh kỳ sau

Tất cả các trường THPT cấp 3 đều tiến hành kiểm tra năng lực học tập ở 5 môn (quốc ngữ, Xã hội, Toán học, Lý học, Tiếng Anh).

Ngoài ra, các trường THPT cấp 3 thực hiện phỏng vấn. Tùy theo trường mà có bài luận văn (bài luận ngắn) và bài kiểm tra kỹ năng thực hành.

#### ① Kiểm tra năng lực học tập (điểm tối đa 500) và thời gian kiểm tra (dự định)

Tiếthọc	Môn học	Thời gian kiểm tra	Ghi chú
1	Quốc ngữ	9 : 25 ~ 10 : 15 (50phút)	Giải lao 15phút
2	Toán học	10 : 30 ~ 11 : 20 (50phút)	Giải lao 15phút
3	Xã hội	11 : 35 ~ 12 : 25 (50phút)	Nghỉ trưa 60phút
4	Lý học	13 : 25 ~ 14 : 15 (50phút)	Giải lao 15phút
5	Tiếng Anh (bao gồm bài kiểm tra nghe)	14 : 30 ~ 15 : 20 (50phút)	

#### ② Phỏng vấn Có 2 hình thức phỏng vấn

##### ◆ Đối với trường 「Phỏng vấn trực diện」

Giống đợt tuyển sinh kỳ đầu, đến gặp và nói chuyện với giáo viên THPT cấp Phỏng vấn tổ chức sau ngày kiểm tra năng lực (có trường hợp cùng ngày (dự định)).

##### ◆ Đối với trường sử dụng phiếu phỏng vấn 「Phỏng vấn trên giấy」

Kiểm tra năng lực học tập tổ chức cùng ngày. Trong 10 phút trả lời câu hỏi viết trên giấy với hình thức viết. Bất kỳ cuộc phỏng vấn nào, bạn sẽ được hỏi 3 câu hỏi sau

- ① Nói về học tập và các hoạt động bạn quan tâm khi bạn học ở THSC cấp 2
- ② Điều bạn muốn học và làm ở trường THPT Cấp
- ③ Điều mà bạn muốn truyền đạt với trường THPT cấp 3 và muốn hiểu cho bạn

Đối với trường 「Phỏng vấn trực diện」、 số lượng câu hỏi có khả năng sẽ tăng.

Tuy nhiên, với câu ③ cho dù bạn trả lời hay không trả lời không liên quan đến kết quả.

#### 4. Xem xét điều kiện đặc biệt và biện pháp đặc biệt đối với học sinh trở về từ nước ngoài

Người nộp đơn thuộc thể hệ thứ 3 của người Nhật còn ở Trung Quốc ,là người nước ngoài đang sống ở tỉnh Nagano ,có thể xem xét điều kiện đặc biệt thông qua bài kiểm tra học lực.

(Học sinh trở về nước hãy liên hệ với thông tin ghi trang 7)

( 1 ) **Điều kiện đặc biệt (chỉ có tuyển sinh kỳ sau)** tuyển chọn riêng với số lượng tuyển sinh .

① Người có điều kiện xem xét đặc biệt

- Người Nhật ở lại Trung Quốc trong vòng 3 thể hệ, trở về nước trong vòng 6 năm
- Người nước ngoài sống tại tỉnh Nagano, lưu trú trong 3 năm sau khi nhập cảnh

② Nội dung tuyển sinh (kiểm tra năng lực )

- Viết văn thay vì kiểm tra môn quốc ngữ
- Phỏng vấn thay vì kiểm tra môn xã hội
- Đối với các môn Toán · Lý · Anh Văn sẽ cùng câu hỏi , nhưng thời gian sẽ kéo dài 10 phút

cho mỗi câu

- Hán tự trong câu hỏi có phiên âm chữ furigana

③ **Đăng ký điều kiện đặc biệt**

• Thông qua hiệu trưởng của trường THCS cấp 2 đăng ký nguyện vọng với thầy hiệu trưởng THPT cấp 3. Nhanh chóng nhận lời khuyên từ giáo viên phụ trách .Đối với học sinh không học ở trường THCS cấp 2 ở Nhật hãy trao đổi với bộ giáo dục trước.

**(2)Biện pháp đặc biệt (cả tuyển sinh kỳ trước · kỳ sau)** ...sẽ chọn trong số lượng tuyển sinh

① Người có thể nhận được biện pháp đặc biệt

- Người đã sống nước ngoài từ 2 năm trở lên và trở về nước được 4 năm
- Là người nước ngoài sống ở tỉnh nagano、 sống ở Nhật chưa quá 6 năm

② Nội dung tuyển sinh (kiểm tra năng lực ) giống như bài kiểm tra năng lực tổng quát ,Hán tự trong câu hỏi có phiên âm chữ mềm furigana

③ **Đăng ký biện pháp đặc biệt giống cách đăng ký của điều kiện đặc biệt**

◇ Những người không đi học THCS cấp 2 và chưa từng đi học THCS cấp 2 ◇

Cần có chứng chỉ hoàn thành 9 năm giáo dục bắt buộc. Tùy theo từng nước mà khóa học THCS cấp 2 là 4 năm hoặc 5 năm, trong trường hợp này cần giấy chứng minh đã hoàn thành khóa học chính quy 9 năm từ trường đã học

## 5. Lịch thi tuyển sinh vào trường cấp THPT cấp 3 năm 2027

Tuyển chọn	Nội dung	Lịch trình tuyển sinh năm Reiwa 9(2027)
Kỳ đầu	Thời gian nhận đơn đăng ký	29.1.2027(thứ 6) ~2.2 (thứ3)
	Ngày tuyển sinh	8.2.2026 (thứ 2)
	Ngày thông báo kết quả đầu	17.2.2026 (thứ 4)
Kỳ sau	Thời gian nhận đơn đăng ký	24.2.2026 (thứ 4) ~26.2 (thứ 6)
	Thời gian nhận đơn đổi nguyện vọng	1.3.2026 (thứ 2) ~3.3 (thứ 4)
	Ngày tuyển sinh	9.3.2026 (thứ 3)
	Ngày thực hiện xét tuyển bổ sung	15.3.2026 (thứ 2)
	Ngày thông báo kết quả đầu	18.3.2026 (thứ 5)
	Ngày thông báo kết quả xét bổ sung	18.3.2026 (thứ 5)

Từ năm 2026 bắt đầu nhận đơn đăng ký qua internet . Khoảng vào tháng 11 sẽ tiến hành đăng ký nguyện vọng. Khi đăng ký nguyện vọng điền họ tên ,địa chỉ và thông tin liên lạc . Khi thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký nguyện vọng đến gần ,chọn trường muốn đăng ký ,nộp lệ phí và làm thủ tục đăng ký dự thi .

Việc đăng ký dự thi vào trường THPT cấp 3 thực hiện thông qua nhà trường. Học sinh đang học tại trường hãy trao đổi giáo viên trường THCS cấp 2. Đối với học sinh đã tốt nghiệp THCS cấp 2 thì giáo viên liên lạc của trường THPT cấp 3 sẽ làm thủ tục đăng ký .Trường THPT cấp 3 liên lạc được Hội Đồng Giáo Dục giới thiệu .

※Nơi liên hệ : Ban thư ký ủy ban giáo dục tỉnh Nagano

Phòng giáo dục THPT cấp 3

Số điện thoại 026-235-7430 FAX 026-235-7488

e-mail koko@pref.nagano.lg.jp

●Trang chủ của Ủy Ban Giáo Dục Tỉnh Nagano

Công bố thông báo về chế độ tuyển sinh của các trường cấp THPT cấp 3 công lập ở tỉnh Nagano.

Hoặc bạn có thể truy cập từ mã QR này .



URL : <https://www.pref.nagano.lg.jp/kyoiku/kyoiku/jukense/index.html>

## 6. Về cuộc sống tại trường cấp 3

( 1 ) Đối với học sinh mang quốc tịch nước ngoài

· Hiện tại có 316 (thời điểm 1.5.2025 ) học sinh mang quốc tịch nước ngoài đang theo học tại trường THPT cấp 3 công lập tỉnh Nagano.

· Trong số đó học sinh mang quốc tịch Brazil và quốc tịch Trung Quốc có số lượng nhiều nhất mỗi nước có 92 học sinh, vị trí thứ 3 là Philippines với 42 học sinh .

· Đối với trường học có nhiều học sinh nước ngoài ,sẽ có nhân viên hỗ trợ tiếng Nhật (Năm 2025 có 26 trường học )

( 2 ) Điểm khác nhau với trường THCS cấp 2

· Bạn phải đạt được tín chỉ 「đơn vị học phần」 ở trường THPT cấp 3. 1 tín chỉ là 1 giờ học 1 tuần và 1 năm (35 giờ)

· Môn học 3 giờ 1 tuần là 3 học phần, môn học 4 giờ 1 tuần là 4 học phần. Thông qua kết quả nhất định của môn học trong suốt 1 năm thì có thể lấy được học phần

· Nếu không lấy được học phần thì không thể học lên tiếp và không thể tốt nghiệp

· Ngoài ra, ở trường gây rắc rối hay ảnh hưởng đến học sinh khác ,mà không cải thiện sẽ bị cấm đến trường (đình chỉ học), tùy trường hợp mà có thể bị buộc nghỉ học(thôi học )

( 3 ) VỀ học phí

① Lệ phí tuyển sinh và học phí

		Trường THPT cấp 3 công lập		Trường THPT cấp 3 tư lập
		Học cả ngày	Học theo theo gian chỉ định	Học cả ngày
Lệ phí tuyển sinh		2, 200 yên (đăng ký từ internet)	870yên (đăng ký internet )	10, 000 ~ 20, 000yên
Phí nhập học		5, 650yên	1, 160yên	127, 333yên (Trung bình năm 2025)
Phí học		118, 800yên /1 năm (*)	Khoảng 32, 400yên/1năm (*)	424, 800 yên/1năm(*) (TB năm 2025)ngoại trừ ISAK
Phí khi nhập học	Hội cựu thành viên Phí thành viên	3, 000 ~ 10, 000 yên	3, 000 ~ 10, 000 yên	Khác 163, 360 yên (Trung bình năm 2025) Ngoại trừ ISAK
	Sách giáo khoa	7, 500 ~ 13, 000 yên	4, 800 ~ 11, 000 yên (**)	
	Quần áo thể dục · Giày	Khoảng 20, 000 yên	Khoảng 20, 000 yên	
	Đồng phục(***)	30, 000 ~ 80, 000yên		
	Khác	Phí tài liệu giảng dạy bổ sung ,phí hội học sinh ,phí vào hội PTA		
Phí P T A		3000 ~ 20, 000yên(năm)	2, 000 ~ 10, 000yên(năm)	
Phí hội học sinh		3, 000 ~ 12, 500yên(năm)	2, 000 ~ 8, 000yên(năm)	
Phí câu lạc bộ		0 ~ 11, 000yên(năm)	0 ~ 6, 000yên(năm)	
Phí tích lũy du lịch để học tập (1năm )		0 ~ 110, 000yên(năm)	0 ~ 60, 000yên(năm)	
Phí ăn uống			0 ~ 63, 000yên(năm)	
Khác		Phí hội viên , đồng phục	Phí hội viên	

Bảng học phí trên biểu thị số tiền gần đúng .Để biết thêm chi tiết hãy liên hệ trực tiếp

(\*)Nếu làm đơn đăng ký sẽ nhận được hỗ trợ từ nhà nước .(có điều kiện về tư cách lưu trú )

(\*\*)Học viên tham gia lớp tại chức buổi tối sẽ nhận chế độ hỗ trợ khách giáo khoa

(\*\*\*)Đối với trường học có đồng phục

#### (4) Vấn đề khác

##### ① Về học bổng

- Trường THPT cấp 3 có chế độ học bổng nhằm hỗ trợ kinh tế để học sinh học tập.
- Số tiền học bổng đã mượn theo chế độ sẽ phải hoàn trả khi tự lập và đi làm .

##### Chế độ học bổng chủ yếu

Danh mục	Số tiền có thể mượn mỗi tháng
Học bổng trường THPT cấp 3 tỉnh Nagano	Công lập : 8,000 18,000 Tư lập : 30,000 yên Tư lập : 20,000 30,000 40,000 yên
Chi phí đi lại với khoảng cách xa	Phí đi lại trên 8,000 yên (tối đa 26,000 yên)
Tiền khuyến khích học tập	Đối tượng học theo thời gian · truyền thông 14,000 yên

Địa chỉ liên hệ về học bổng :

Ban thư ký ủy ban giáo dục tỉnh Nagano

Ban thư ký Phòng giáo dục THPT cấp 3      Điện thoại : 026-235-7428

Có nhiều loại học bổng khác nhau như học bổng từ thành phố , công ty, đoàn thể

##### ② Về tiền học phí

· Tiền học phí trường THPT cấp 3 không miễn phí .Tuy nhiên, nếu làm đơn đăng ký sẽ nhận được hỗ trợ từ nhà nước .(Khoản này được gọi là 「Tiền hỗ trợ đi học 」 ).  
Để nhận được hỗ trợ cần đủ điều kiện về tư cách lưu trú.

· Liên hệ phòng giáo dục THPT cấp 3 để biết thêm học phí các trường THPT cấp 3 công lập.

· Đối với trường THPT cấp 3 tư lập ,có trường sẽ miễn giảm một phần tiền học phí và tiền nhập học .Để biết thêm chi tiết hãy liên hệ với

Bộ phận hỗ trợ học tập công dân Tỉnh    Bộ phận xúc tiến trường tư (ĐT 026-235-7058)

Cụ thể về đăng ký hãy liên hệ trực tiếp với các trường .

##### ③ Về việc chuyển trường

· Theo nguyên tắc ,khi nơi cư trú thay đổi mới trong trường hợp phụ huynh chuyển việc có thể chuyển trường sau khi tiến hành kiểm tra và phỏng vấn .Vì lý do nào đó bắt buộc phải chuyển trường xin hãy thảo luận với giao viên chủ nhiệm .

# TÀI LIỆU

Danh sách các trường THPT Cấp 3 công lập

Danh sách các trường THPT Cấp 3 tư lập

Chỉ tiêu tuyển sinh vào kỳ đầu và phỏng vấn kỳ sau của năm 2027 sẽ được công bố sau tháng 9 ,vì vậy hiện đăng thông tin cụ thể năm 2026

RIEWA NĂM 8 (Năm 2026) Tại thời điểm tháng 4

こうりつこうとうがっこういちらん れいわ ねんど ねんど ぼしゅう おこな がっこう  
**公立高等学校一覧 (令和9年度(2027年度)募集を行う学校)**

ちく地区	こうとうがっこうめい 高等学校名	がつか 学科	ぜんきぼ 前期募 しゅうわく 集枠	こうき 後期 めんせつ 面接	しょざいち 所在地	でんわばんごう 電話番号
ほくしん 北信	いいやま 飯山	ふつう 普通	30	しじょう 紙上	〒389-2253 いいやましいいやま 飯山市飯山2610	0269-62-4175
		しぜんかがくたんきゆう 自然科学探究	60			
		じんぶんかがくたんきゆう 人文科学探究	90	たいめん 対面		
	すぽーつかかく スポーツ科学					
	しもたかいのうりん 下高井農林	のうぎょう ちいきそうぞう 農業 地域創造 のうがく 農学	50	たいめん 対面	〒389-2301 しもたかいぐんきじまだいらむらほたか 下高井郡木島平村穂高2975	0269-82-3115
	なかのりっしかん 中野立志館	そうごう 総合	60	たいめん 対面	〒383-8567 なかのしみよしちょう 中野市三好町2-1-53	0269-22-2141
	なかのにし 中野西	ふつう 普通	50	しじょう 紙上	〒383-8511 なかのしにしじょう 中野市西条544-1	0269-22-7611
	すぎかひがし 須坂東	ふつう 普通	60	しじょう 紙上	〒382-0013 すぎかしひたき 須坂市日滝4-4	026-245-0331
	すぎか 須坂	ふつう 普通		しじょう 紙上	〒382-0091 すぎかしすぎか 須坂市須坂1518-2	026-245-0334
	すぎか 須坂	のうぎょう 農業 こうぎょう 工業 しょうぎょう 商業	60	しじょう 紙上	〒382-0097 すぎかしすぎか 須坂市須坂 1616	026-245-0103
	ほくぶ 北部	ふつう 普通	50	たいめん 対面	〒389-1206 かみみのちぐんいづなまちふ こうじ 上水内郡飯綱町普光寺156	026-253-2030
ながのよしだ 長野吉田	ふつう 普通		しじょう 紙上	〒381-8570 ながのよしだ 長野市吉田2-12-9	026-241-6161	
ながの 長野	ふつう 普通		しじょう 紙上	〒380-8515 ながのしうえまつ 長野市上松1-16-12	026-234-1215	
ながのにし 長野西	ふつう 普通	90	しじょう 紙上	〒380-8530 ながのしほこしみず 長野市箱清水3-8-5	026-234-2261	
	こくさいきょうよう 国際教養					
ながのしょうぎょう 長野商業	しょうぎょう 商業	60	しじょう 紙上	〒380-0872 ながのしつましな 長野市妻科243	026-234-1265	
ながのひがし 長野東	ふつう 普通	30	しじょう 紙上	〒381-0022 ながのしまめじま 長野市大豆島2743-1	026-221-8111	
ながのこうぎょう 長野工業	こうぎょう 工業	60	しじょう 紙上	〒380-0948 ながのしさしでみなみ 長野市差出南3-9-1	026-227-8555	

こうりつこうとうがっこういちらん れいわ ねんど ねんど ほしゅう おこな がっこう  
 公立高等学校一覧 (令和9年度(2027年度)募集を行う学校)

ちく地区	こうとうがっこうめい 高等学校名	がっか 学科	ぜんきほ 前期募 しゅうわく 集枠	こうき 後期 めんせつ 面接	しよざいち 所在地	でんわばんごう 電話番号
ほくしん 北信	ながのにしなかじょうこう 長野西中条校	ふつう 普通	50	たいめん 対面	〒381-3203 ながのしなかじょう 長野市中条2378-1	026-268-3101
	しののいさいきょうこう 篠ノ井犀峡校	ふつう 普通	60	たいめん 対面	〒381-2413 ながのししんしゅうしんまちしもいちば 長野市信州新町下市場70	026-262-2044
	ながのしりつなごの 長野市立長野	そうごう 総合	32	しじょう 紙上	〒381-0041 ながのしとくま 長野市徳間1133	026-296-1241
	ながのみなみ 長野南	ふつう 普通	40	しじょう 紙上	〒381-2214 ながのしいなさとまちたまきおおきた 長野市稲里町田牧大北236-2	026-284-8850
	しののい 篠ノ井	ふつう 普通		しじょう 紙上	〒388-8007 ながのししののいふせたかだ 長野市篠ノ井布施高田1161-2	026-292-0066
	さらしなのうぎょう 更級農業	のうぎょう 農業	60	たいめん 対面	〒388-8007 ながのししののいふせたかだ 長野市篠ノ井布施高田200	026-292-0037
	まつしろ 松代	ふつう 普通 しょうぎょう 商業	60	たいめん 対面	〒381-1232 ながのしまつしろまちにしじょう 長野市松代町西条4065	026-278-2044
	やしろ 屋代	ふつう 普通 りすう 理数	70	しじょう 紙上	〒387-8501 ちくましやしろ 千曲市屋代1000	026-272-0069
	やしろみなみ 屋代南	ふつう 普通 かてい 家庭	40 60	たいめん 対面	〒387-8502 ちくましやしろ 千曲市屋代2104	026-272-2800
	さかき 坂城	ふつう 普通	40	たいめん 対面	〒389-0601 はにしなぐんさかきまちさかき 埴科郡坂城町坂城6727	0268-82-2112
とうしん 東信	うえだちくま 上田千曲	こうぎょう 工業 しょうぎょう 商業 かてい 家庭	60	しじょう 紙上	〒386-8585 うえだしなかのじょう 上田市中之条626	0268-22-7070
	うえだ 上田	ふつう 普通		しじょう 紙上	〒386-8715 うえだしおおて 上田市大手1-4-32	0268-22-0002
	うえだそめやおか 上田染谷丘	ふつう 普通 こくさいきょうよう 国際教養	80	しじょう 紙上	〒386-8685 うえだしうえだ 上田市上田1710	0268-22-0435
	うえだひがし 上田東	ふつう 普通		しじょう 紙上	〒386-8683 うえだしときだ 上田市常田3-5-68	0268-22-0101
	まるこしゅうがくかん 丸子修学館	そうごう 総合	60	たいめん 対面	〒386-0405 うえだしなかもろこ 上田市中丸子810-2	0268-42-2827
	たてしな 蓼科	ふつう 普通	50	たいめん 対面	〒384-2305 きたさくぐんたてしなまちあしだ 北佐久郡立科町芦田3652	0267-56-1015

こうりつこうとうがっこういちらん れいわ ねんど ねんど ほしゅう おこな がっこう  
**公立高等学校一覧 (令和9年度(2027年度)募集を行う学校)**

ちく地区	こうとうがっこうめい 高等学校名	がっか 学科	ぜんきほ 前期募 しゅうわく 集枠	こうき 後期 めんせつ 面接	しよざいち 所在地	でんわばんごう 電話番号
とうしん 東信	こもろしよぎよう 小諸商業	しよぎよう 商業	60	しじよう 紙上	〒384-0028 こもろしたまち 小諸市田町3-1-1	0267-22-0103
	こもろ 小諸	ふつう 普通	50	しじよう 紙上	〒384-0023	0267-22-0216
		おんがく 音楽	90	たいめん 対面	こもろししのめ 小諸市東雲4-1-1	
	かるいざわ 軽井沢	ふつう 普通	60	たいめん 対面	〒389-0102 きたさくぐんかるいざわまちかるいざわ 北佐久郡軽井沢町軽井沢1323-43	0267-42-2390
	さくだいらそうごうぎじゆつ 佐久平総合技術	のうぎよう こうぎよう 農業 工業	60	しじよう 紙上	〒385-0022 さくしいわむらだ 佐久市岩村田991	0267-67-4010
		そうぞうじっせん 創造実践	50		〒384-0301 さくしうすだ 佐久市臼田751	0267-82-2035
	いわむらだ 岩村田	ふつう 普通		しじよう 紙上	〒385-0022 さくしいわむらだ 佐久市岩村田1248-1	0267-67-2439
	のざわきた 野沢北	ふつう 普通	90	しじよう 紙上	〒385-0053	0267-62-0020
りすう 理数		さくしのざわ 佐久市野沢449-2				
のざわみなみ 野沢南	ふつう 普通		しじよう 紙上	〒385-0052 さくしはら 佐久市原86-1	0267-62-0064	
こうみ 小海	ふつう 普通	50	たいめん 対面	〒384-1105 みなみさくぐんこうみまちちよさと 南佐久郡小海町千代里1006-2	0267-92-2063	
なんしん 南信	ふじみ 富士見	ふつう 普通	60	たいめん 対面	〒399-0211	0266-62-2282
		のうぎよう 農業			すわぐんふじみまちふじみ 諏訪郡富士見町富士見3330	
	ちの 茅野	ふつう 普通	30	たいめん 対面	〒391-8511 ちのしみやがわ 茅野市宮川11395	0266-72-3175
	すわじつぎよう 諏訪実業	しよぎよう 商業	60	たいめん 対面	〒392-0007	0266-52-0359
		かてい 家庭			すわししみず 諏訪市清水3-3663-3	
	すわせいりよう 諏訪清陵	ふつう 普通		しじよう 紙上	〒392-8548 すわししみず 諏訪市清水1-10-1	0266-52-0201
	すわふたば 諏訪二葉	ふつう 普通		しじよう 紙上	〒392-8549 すわしおかむら 諏訪市岡村2-13-28	0266-52-4628
しもすわこうよう 下諏訪向陽	ふつう 普通	50	しじよう 紙上	〒393-0025 すわぐんしもすわまち 諏訪郡下諏訪町7401	0266-28-7582	
おかやひがし 岡谷東	ふつう 普通	60	たいめん 対面	〒394-0033 おかやしなんぐう 岡谷市南宮2-1-17	0266-23-3161	

こうりつこうとうがっこういちらん れいわ ねんど ねんど ほしゅう おこな がっこう  
 公立高等学校一覧 (令和9年度(2027年度)募集を行う学校)

ちく地区	こうとうがっこうめい 高等学校名	がつか 学科	ぜんきほ 前期募 しゅうわく 集粹	こうき 後期 めんせつ 面接	しよざいち 所在地	でんわばんごう 電話番号
なんしん 南信	おかやみなみ 岡谷南	ふつう 普通		しじょう 紙上	〒394-0034 おかやしこほん 岡谷市湖畔3-3-30	0266-23-2355
	おかやこうぎょう 岡谷工業	こうぎょう 工業	60	たいめん 対面	〒394-0004 おかやししんめいちょう 岡谷市神明町2-10-3	0266-22-2847
	たつの 辰野	ふつう 普通 しょうぎょう 商業	60	たいめん 対面	〒399-0428 かみいなぐんたつのまちいなとみ 上伊那郡辰野町伊那富3644-2	0266-41-0770
	かみいなうぎょう 上伊那農業	のうぎょう 農業	60	しじょう 紙上	〒399-4594 かみいなぐんみなみみのわむら 上伊那郡南箕輪村9110	0265-72-5281
	たかとお 高遠	ふつう 普通	60	たいめん 対面	〒396-0293 いなしたかとおまちおぼら 伊那市高遠町小原824	0265-94-2130
	いなきた 伊那北	ふつう 普通 りすう 理数	90	しじょう 紙上	〒396-8558 いなしやまでら 伊那市山寺2165	0265-72-2221
	いなやよいがおか 伊那弥生ヶ丘	ふつう 普通		しじょう 紙上	〒396-0026 いなしにしまち 伊那市西町5703	0265-72-6118
	あかほ 赤穂	ふつう 普通 しょうぎょう 商業	60	しじょう 紙上	〒399-4117 こまがねしあかほ 駒ヶ根市赤穂11041-4	0265-82-3221
	こまがねこうぎょう 駒ヶ根工業	こうぎょう 工業	60	しじょう 紙上	〒399-4117 こまがねしあかほ 駒ヶ根市赤穂14-2	0265-82-5251
なんしん 南信	まつかわ 松川	ふつう 普通	50	たいめん 対面	〒399-3301 しもいなぐんまつかわまちかみかたざり 下伊那郡松川町上片桐919-1	0265-37-2011
	いいた 飯田	ふつう 普通 りすう 理数	70	しじょう 紙上	〒395-0004 いいたしかみさとくろだ 飯田市上郷黒田450	0265-22-4500
	いいたふうえつ 飯田風越	ふつう 普通 こくさいきょうよう 国際教養	90	しじょう 紙上	〒395-8543 いいたしかみさとくろだ 飯田市上郷黒田6462	0265-22-1515
	いいたおーあいいでいーいーおさひめ 飯田OIDE長姫	こうぎょう 工業 しょうぎょう 商業	60	しじょう 紙上	〒395-0804 いいたしかなえなごくま 飯田市鼎名古熊2535-2	0265-22-7117
	しもいなうぎょう 下伊那農業	のうぎょう 農業	60	しじょう 紙上	〒395-0804 いいたしかなえなごくま 飯田市鼎名古熊2366-4	0265-22-5550
	あち 阿智	ふつう 普通	40	たいめん 対面	〒395-0301 しもいなぐんあちむらかすが 下伊那郡阿智村春日2840	0265-43-2242
	あなん 阿南	ふつう 普通	40	-15- たいめん 対面	〒399-1501 しもいなぐんあなんちょうきたじょう 下伊那郡阿南町北条2237	0260-22-2052

こうりつこうとうがっこういちらん れいわ ねんど ねんど ぼしゅう おこな がっこう  
 公立高等学校一覧 (令和9年度(2027年度)募集を行う学校)

ちく地区	こうとうがっこうめい 高等学校名	がっか 学科	ぜんきほ 前期募 しゅうわく 集枠	こうき 後期 めんせつ 面接	しよざいち 所在地	でんわばんごう 電話番号
ちゅうしん 中信	そなん 蘇南	そうごう 総合	60	たいめん 対面	〒399-5301 きそぐんなぎそまちよみかき 木曾郡南木曾町読書2937-45	0264-57-2063
	きそせいほう 木曾青峰	ふつう 普通	60	しじょう 紙上	〒397-8571	0264-22-2119
		のうぎよう 農業				
		こうぎよう 工業				
	りすう 理数	75		きそぐんきそまちふくしま 木曾郡木曾町福島1827-2		
	しおじりしがくかん 塩尻志学館	そうごう 総合	60	しじょう 紙上	〒399-0703 しおじりしひろおかたかいで 塩尻市広丘高出4-4	0263-52-0015
	たがわ 田川	ふつう 普通	60	たいめん 対面	〒399-0701 しおじりしひろおかよしだ 塩尻市広丘吉田2645	0263-86-3000
	あずさがわ 梓川	ふつう 普通	60	たいめん 対面	〒390-1401 まつもとしはた 松本市波田10000-1	0263-92-2119
	まつもとこうぎよう 松本工業	こうぎよう 工業	60	しじょう 紙上	〒390-8525 まつもとしつかま 松本市筑摩4-11-1	0263-25-1184
	まつもとあがたがおか 松本県ヶ丘	ふつう 普通	80	しじょう 紙上	〒390-8543 まつもとしあがた 松本市県2-1-1	0263-32-1142
		しぜんたんきゆう 自然探求				
	まつもとみすずがおか 松本美須々ヶ丘	ふつう 普通		しじょう 紙上	〒390-8602 まつもとしみすず 松本市美須々2-1	0263-33-3690
	まつもとふかし 松本深志	ふつう 普通		しじょう 紙上	〒390-8603 まつもとしありがさき 松本市蟻ヶ崎3-8-1	0263-32-0003
	まつもとありがさき 松本蟻ヶ崎	ふつう 普通		しじょう 紙上	〒390-8605 まつもとしありがさき 松本市蟻ヶ崎1-1-54	0263-32-0005
	あかしな 明科	ふつう 普通	50	たいめん 対面	〒399-7101 あづみのしあかしなひがしかわて 安曇野市明科東川手100	0263-62-4388
	とよしな 豊科	ふつう 普通		しじょう 紙上	〒399-8205 あづみのしとよしな 安曇野市豊科2341	0263-72-2151
	みなみあづみのうぎよう 南安曇農業	のうぎよう 農業	60	たいめん 対面	〒399-8205 あづみのしとよしな 安曇野市豊科4537	0263-72-2139
ほたかしようぎよう 穂高商業	しようぎよう 商業	60	しじょう 紙上	〒399-8303 あづみのしほたか 安曇野市穂高6839	0263-82-2162	
いけだこうぎよう 池田工業	こうぎよう 工業	50	たいめん 対面	〒399-8601 きたあづみぐんいけだまちいけだ 北安曇郡池田町池田2524	0261-62-3124	
おおまちがくよう 大町岳陽	ふつう 普通	40	しじょう 紙上	〒398-0002 おおまちしおおまち 大町市大町3691-2	0261-22-0024	
	がっきゆう 学究	70				
はくば 白馬	ふつう 普通	50	たいめん 対面	〒399-9301 きたあづみぐんはくばむらほくじょう 北安曇郡白馬村北城8800	0261-72-2034	
	こくさいかんこう 国際観光	75				

こうりつこうとうがっこういちらん れいわ ねんど ねんど ぼしゅう おこな がっこう ていじせいかてい  
**公立高等学校一覧 (令和9年度(2027年度)募集を行う学校) 定時制課程**

ちく地区	こうとうがっこうめい 高等学校名	がつか 学科	ぜんきほ 前期募 しゅうわく 集枠	こうき 後期 めんせつ 面接	しょざいち 所在地	でんわばんごう 電話番号
ホクシン 北信	なかのりっしかん 中野立志館	ふつう 普通	30	たいめん 対面	〒383-8567 なかのしみよしちよう 中野市三好町2-1-53	0269-22-2141
	ながのよしだ 長野吉田	ふつう ひる 普通・昼		たいめん 対面	〒381-8570 ながのよしだ 長野市吉田2-12-9	026-241-6161
	ながの 長野	ふつう 普通	50	たいめん 対面	〒380-8515 ながのしうえまつ 長野市上松1-16-12	026-234-1215
	ながのしょうぎよう 長野商業	ふつう たんいせい 普通(単位制)	50	たいめん 対面	〒380-0872 ながのしつましな 長野市妻科243	026-234-1265
	ながのこうぎよう 長野工業	こうぎよう 工業	10	たいめん 対面	〒380-0948 ながのしきさしでみなみ 長野市差出南3-9-1	026-227-8555
	しののい 篠ノ井	ふつう 普通		たいめん 対面	〒388-8007 ながのししののいふせたかだ 長野市篠ノ井布施高田1161-2	026-292-0066
トウシン 東信	うえだちくま 上田千曲	こうぎよう 工業		たいめん 対面	〒386-8585 うえだしなかのじよう 上田市中之条626	0268-22-7070
	うえだ 上田	ふつう 普通	50	たいめん 対面	〒386-8715 うえだしおおて 上田市大手1-4-32	0268-22-0002
	こもろしょうぎよう 小諸商業	しょうぎよう 商業		たいめん 対面	〒384-0028 こもろしたまち 小諸市田町3-1-1	0267-22-0103
	のざわみなみ 野沢南	ふつう 普通		たいめん 対面	〒385-0052 さくしほら 佐久市原86-1	0267-62-0064
ナンシン 南信	すわじつぎよう 諏訪実業	ふつう 普通	25	たいめん 対面	〒392-0007 すわししみず 諏訪市清水3-3663-3	0266-52-0359
	あかほ 赤穂	ふつう 普通		たいめん 対面	〒399-4117 こまがねしあかほ 駒ヶ根市赤穂11041-4	0265-82-3221
	いいだ おさひめ 飯田OIDE長姫	ふつう 普通		たいめん 対面	〒395-0804 いいだしかなむ ごくま 飯田市鼎名護熊2535-2	0265-22-7117
	きそせいほう 木曾青峰	ふつう 普通	20	たいめん 対面	〒397-8571 きそぐんきそまちふくしま 木曾郡木曾町福島1827-2	0264-22-2119
チュウシン 中信	いけだこうぎよう 池田工業	ふつう 普通	20	たいめん 対面	〒399-8601 きたあづみぐんいけだまちいけだ 北安曇郡池田町池田2524	0261-62-3124

こうりつこうとうがっこういちらん れいわ ねんど ねんど ほしゅう おこな がっこう たぶせい たんいせい  
**公立高等学校一覧 (令和9年度(2027年度)募集を行う学校) 多部制・単位制**

ちく 地区	こうとうがっこうめい 高等学校名	がつか 学科	ぜんきほ 前期募 しゅうわく 集枠	こうき 後期 めんせつ 面接	しよざいち 所在地	でんわばんごう 電話番号
トウシン 東信	とうみせいしやう 東御清翔	ふつう ごぜん ごご 普通 午前・午後 (単位制)	60	たいめん 対面	〒389-0517 とうみしあがた 東御市県276	0268-62-0014
ナンシン 南信	みのわしんしゆう 箕輪進修	ふつう 普通 コウギョウ 工業	50	たいめん 対面	〒399-4601 かみいなぐんみのわまちなかみのわ 上伊那郡箕輪町中箕輪13238	0265-79-2140
チュウシン 中信	まつもとちくま 松本筑摩	ふつう ごぜん ごご 普通 午前・午後 たんいせい (単位制) ふつう 普通 やかん (夜間)	50	たいめん 対面	〒390-8531 松本市島立 2237	0263-47-1351

しりつこうとうがっこういちらん れい わ ど ぼしゅう おこな がっこう  
**私立高等学校一覧 (令和9度(2027)募集を行う学校)**

ぜん にち せい  
**全 日 制**

しよ ざい し 所 在 市	こうとうがっこうめい 高等学校名	おとこおんな 男・女 きょうがく 共学別	がっ 学 学 科	しよざいち 所在地	でんわばんごう 電話番号
ながのし 長野市	ながのせいせんじょがくいん 長野清泉女学院	じょし 女子	ふつう 普通	〒380-0801 ながのしはこしみず 長野市箱清水1-9-19	026-234-2301
ながのし 長野市	ながのじょし 長野女子	じょし 女子	ふつう 普通	〒380-0803 ながのしみわ 長野市三輪9-30-18	026-241-6800
ながのし 長野市	ぶんかかがえんながの 文化学園長野	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒380-0915 ながのしかみせんだ 長野市上千田141	026-226-8386
ながのし 長野市	ながのにほんだいがく 長野日本大学	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒381-0038 ながのしひがしわだ 長野市東和田253-3	026-243-1079
ながのし 長野市	ながのしゅんえい 長野俊英	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒388-8006 ながのししののいおんべがわ 長野市篠ノ井御幣川1045	026-292-0726
うえだし 上田市	うえだにし 上田西	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒386-8624 うえだししおじり 上田市下塩尻868	0268-22-0412
さくし 佐久市	さくちようせい 佐久長聖	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒385-8588 さくしいわむらだ 佐久市岩村田951	0267-68-5588
かるいざわまち 軽井沢町	ゆないてっど わーど ユナイテッド・ワールド かれっじ じゃぼん ド・カレッジISAKジャパ ン	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒389-0111 かるいざわまちながくら 軽井沢町長倉5827-136	0267-46-8623
ちのし 茅野市	とうかいだいがくふぞくす わ 東海大学付属諏訪	きょうがく 共学	ふつう リすう 普通、理数	〒391-8512 ちのしたまがわ 茅野市玉川675	0266-72-3147
いなし 伊那市	いなにし 伊那西	じょし 女子	ふつう 普通	〒399-4493 いなしにいはるちか 伊那市西春近4851	0265-72-4091
いだし 飯田市	いだしじょし 飯田女子	じょし 女子	ふつう 普通	〒395-8528 いだし かみさといぬま 飯田市上郷飯沼3135-3	0265-22-1386
しおじりし 塩尻市	とうきょうと しだいがくしおじり 東京都市大学塩尻	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒399-0703 しおじりし ひろおかたかいで 塩尻市広丘高出2081	0263-88-0104
まつもとし 松本市	まつしよがくえん 松商学園	きょうがく 共学	ふつう しょうぎ 普通、商業	〒390-8515 まつもとし あがた 松本市県3-6-1	0263-33-1210
まつもとし 松本市	まつもとこくさい 松本国際	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒399-0036 まつもとし むらいまちなみ 松本市村井町南3-6-25	0263-88-0033

しりつこうとうがっこういちらん れいわ ど ほしゅう おこな がっこう  
**私立高等学校一覧 (令和9度(2027)募集を行う学校)**

ぜん にち せい  
**全 日 制**

しよ ざい し 所 在 市 ちょうそん 町村	こうとうがっこうめい 高等学校名	おとこおんな 男・女 きょうがく 共学別	が っ 学 科	しよざいち 所在地	でんわばんごう 電話番号
まつもとし 松本市	まつもとだいいち 松本第一	きょうがく 共学	ふつう しょく 普通、食物	〒390-0303 まつもとし あさまおんせん 松本市浅間温泉1-4-17	0263-46-0555
まつもとし 松本市	えくせらん エクセラン	きょうがく 共学	ふつう び 普通、美 じゆつふくし 術、福祉	〒390-0221 まつもとし さとやまべ 松本市里山辺4202	0263-32-3701
ちくほくむら 筑北村	にほんうえるねすながの 日本ウエルネス長野	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒399-7501 ひがしちくまぐんちくほくむらにしじょう 東筑摩郡筑北村西条4228	0263-66-0057

つう しん せい  
**通 信 制**

しよ ざい し 所 在 市 ちょうそん 町村	こうとうがっこうめい 高等学校名	おとこおんな 男・女 きょうがく 共学別	が っ 学 科	しよざいち 所在地	でんわばんごう 電話番号
ながのし 長野市	ステップ	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒381-2344 ながのししんこうまちあげお 長野市信更町上尾2200	026-285-0909
ながのし 長野市	ながのしゆんい 長野俊英	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒386-0012 ながのししののいごへいかわ 長野市篠ノ井御幣川 1045	026-292-0726
うえだし 上田市	こくさい さくら国際	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒386-1433 うえだしてづか 上田市手塚1065	0268-39-7707
うえだし 上田市	コードアカデミー	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒386-0012 うえだしちゅうおう 上田市中央1-2-21	0268-75-7877
とうみし 東御市	がくえん ID学園	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒389-0501 とうみししんはり 東御市新張1931	0268-71-5295
さくし 佐久市	ちきゅうかんきょう 地球環境	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒385-0051 さくしなかごみ 佐久市中込2923-1	0267-63-1411
いだし 飯田市	いだしよし 飯田女子	じょし 女子	ふつう 普通	〒395-8528 いだし かみさとしいぬま 飯田市上郷飯沼3135-3	0265-22-1386
たつのまち 辰野町	かいせいがくえん つくば開成学園	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒399-0428 かみいなくんたつのまちいなとみ 上伊那郡辰野町伊那富3305-94	0266-75-0581
なぎそまち 南木曾町	りよくせいらん 緑誠蘭	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒399-5302 きそぐんなぎそまちあがつま 木曾郡南木曾町吾妻3859-39	0264-24-0477
てんりゅうむら 天龍村	てんりゅうこうじょう 天龍興譲	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒399-1202 しもいなくんてんりゅうむらかみはら 下伊那郡天龍村神原3974	0260-32-3581
まつもとし 松本市	しなの 信濃むつみ	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒390-0832 まつもとし みなみまつもと 松本市南松本1-13-26	0263-27-3700
まつもとし 松本市	まつもとこくさい 松本国際	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒399-0036 まつもとし むらいまちみなみ 松本市村井町南3-6-25	0263-88-0033
まつもとし 松本市	まつしよがくえん 松商学園	きょうがく 共学	ふつう 普通	〒399-0036 まつもとし あがた 松本市県3-6-1	0263-33-1210

Dành cho phụ huynh và học sinh không nói tiếng Nhật như tiếng bản ngữ

## HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH 2026

(Tổ chức) HIỆP HỘI QUỐC TẾ HÓA TỈNH NAGANO (ANP I)

TEL. 026-235-7186

FAX. 026-235-4738

Mail: [mail@anpie.or.jp](mailto:mail@anpie.or.jp)

Tài liệu do Hội Đồng Giáo Dục tỉnh Nagano cung cấp